

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5667** /QĐ-BGD&ĐT-TCCB

Chu.09

Hà Nội, ngày **18** tháng **11** năm 2002

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**Về việc nâng lương công chức, viên chức năm 2002.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

- Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 30-3-1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Nghị định số 25/CP ngày 23-5-1993 của Chính phủ qui định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang;
- Căn cứ Thông tư số 04/1999/TT-TCCP ngày 20-3-1999 của Ban Tổ chức-Cán bộ Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 95/1998/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 45/TTCP-BCTL ngày 11-3-1996 của Ban Tổ chức-Cán bộ Chính phủ hướng dẫn chế độ nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức, viên chức khu vực hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể;
- Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức-Cán bộ;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Nâng bậc lương cho 292 công chức thuộc trường Đại học Nông nghiệp I (Có danh sách kèm theo).

**Điều 2:** Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Tài chính, Hiệu trưởng trường Đại học Nông nghiệp I và các công chức có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**KT/ BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**THỊ TRƯỞNG**



Nơi nhận:

- Như điều 2.

Tư VP, TCCB.

Lê Vũ Hùng

## DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ NÂNG BẬC LƯƠNG NĂM 2002 CỦA CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

- Tổng số cán bộ, công chức có mặt tại thời điểm báo cáo: 845 người
- Trong đó số cán bộ, công chức được nâng bậc lương: 292 người

(Kèm theo Quyết định số 56.67/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày...18 tháng 11... năm 2002)

| STT | Họ và tên    |       | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo | Hệ số mức lương đang hưởng (theo ND 25/CP) |                 |                      | Mã số ngạch | Hệ số mức lương | Chênh lệch về hệ số mức lương do nâng bậc | Số tháng được hưởng bậc lương mới | Tiền lương tăng thêm do nâng bậc (đồng) | Ghi chú |
|-----|--------------|-------|---------------------|------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------|----------------------|-------------|-----------------|-------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------|---------|
|     |              |       | Nam                 | Nữ         |                                            | Mã số ngạch                                | Hệ số mức lương | Tháng năm được hưởng |             |                 |                                           |                                   |                                         |         |
| A   | B            |       | 1                   | 2          | 3                                          | 4                                          | 5               | 6                    | 7           | 8               | 9                                         | 10                                | 11                                      | 12      |
| 1   | Nguyễn Văn   | Thế   | 20/05/1952          |            | Đại học                                    | 01.002                                     | 3.91            | 04/1999              |             | 4.19            | 0.28                                      | 9                                 | 529,200                                 |         |
| 2   | Nguyễn Đăng  | Hợp   | 09/01/1945          |            | Thạc sỹ                                    | 01.003                                     | 3.31            | 12/1999              |             | 3.56            | 0.25                                      | 1                                 | 52,500                                  |         |
| 3   | Lê Văn       | Muôn  | 03/07/1958          |            | Đại học                                    | 01.003                                     | 2.82            | 09/1999              |             | 3.06            | 0.24                                      | 4                                 | 201,600                                 |         |
| 4   | Cao Thị Ngọc | Thủy  |                     | 10/10/1959 | Thạc sỹ                                    | 01.003                                     | 2.82            | 09/1999              |             | 3.06            | 0.24                                      | 4                                 | 201,600                                 |         |
| 5   | Đỗ Xuân      | Thắm  | 06/06/1963          |            | Đại học                                    | 01.003                                     | 2.34            | 06/1999              |             | 2.58            | 0.24                                      | 7                                 | 352,800                                 |         |
| 6   | Nguyễn Thị   | Cúc   |                     | 01/01/1964 | Đại học                                    | 01.003                                     | 2.10            | 05/1999              |             | 2.34            | 0.24                                      | 8                                 | 403,200                                 |         |
| 7   | Lê Ngọc      | Hương | 28/04/1970          |            | Đại học                                    | 01.003                                     | 2.34            | 10/1999              |             | 2.58            | 0.24                                      | 3                                 | 151,200                                 |         |
| 8   | Nguyễn Thị   | Thủy  |                     | 20/04/1954 | Đại học                                    | 02.015                                     | 2.81            | 12/2000              | 01.003      | 3.06            | 0.25                                      | 1                                 | 52,500                                  |         |
| 9   | Lê Thị Hoàng | Yến   |                     | 09/07/1956 | Đại học                                    | 01.008                                     | 2.58            | 12/2000              | 01.003      | 2.82            | 0.24                                      | 1                                 | 50,400                                  |         |
| 10  | Nguyễn Đức   | Chinh | 05/05/1948          |            | Đại học                                    | 01.007                                     | 3.01            | 12/2000              |             | 3.14            | 0.13                                      | 1                                 | 27,300                                  |         |
| 11  | Lê Văn       | Bằng  | 06/03/1953          |            | CN-SơCấp                                   | 01.007                                     | 3.01            | 09/2000              |             | 3.14            | 0.13                                      | 4                                 | 109,200                                 |         |
| 12  | Lê Chí       | Dân   | 22/10/1957          |            | CN-SơCấp                                   | 01.007                                     | 2.88            | 12/2000              |             | 3.01            | 0.13                                      | 1                                 | 27,300                                  |         |
| 13  | Nguyễn Viết  | Quynh | 12/01/1955          |            | CN-SơCấp                                   | 01.007                                     | 2.88            | 12/2000              |             | 3.01            | 0.13                                      | 1                                 | 27,300                                  |         |
| 14  | Nguyễn Văn   | Thành | 29/08/1954          |            | CN-SơCấp                                   | 01.007                                     | 2.88            | 12/2000              |             | 3.01            | 0.13                                      | 1                                 | 27,300                                  |         |
| 15  | Hoàng Thị    | Thía  |                     | 02/10/1951 | CN-SơCấp                                   | 01.007                                     | 3.01            | 09/2000              |             | 3.14            | 0.13                                      | 4                                 | 109,200                                 |         |
| 16  | Lê Tiến      | Tuyến | 17/04/1955          |            | CN-SơCấp                                   | 01.007                                     | 2.88            | 12/2000              |             | 3.01            | 0.13                                      | 1                                 | 27,300                                  |         |
| 17  | Nguyễn Huy   | Tường | 30/04/1953          |            | CN-SơCấp                                   | 01.007                                     | 3.01            | 09/2000              |             | 3.14            | 0.13                                      | 4                                 | 109,200                                 |         |
| 18  | Nguyễn Chu   | Duân  | 20/03/1954          |            | CN-SơCấp                                   | 01.007                                     | 2.75            | 06/2000              |             | 2.88            | 0.13                                      | 7                                 | 191,100                                 |         |
| 19  | Lê Thị Bích  | Liên  |                     | 19/12/1958 | CN-SơCấp                                   | 01.007                                     | 2.75            | 12/2000              |             | 2.88            | 0.13                                      | 1                                 | 27,300                                  |         |
| 20  | Vũ Thị       | Mai   |                     | 10/08/1957 | CN-SơCấp                                   | 01.007                                     | 2.75            | 12/2000              |             | 2.88            | 0.13                                      | 1                                 | 27,300                                  |         |

| A  | B              |        | 1          | 2          | 3        | 4      | 5    | 6       | 7 | 8    | 9    | 10 | 11      | 12 |
|----|----------------|--------|------------|------------|----------|--------|------|---------|---|------|------|----|---------|----|
| 21 | Nguyễn Văn     | Mạnh   | 21/06/1961 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.75 | 12/2000 |   | 2.88 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 22 | Nguyễn Thị Kim | Minh   |            | 10/10/1959 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.88 | 12/2000 |   | 3.01 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 23 | Phạm Thị       | Mừng   |            | 20/01/1953 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.88 | 09/2000 |   | 3.01 | 0.13 | 4  | 109,200 |    |
| 24 | Lưu Thị        | Nây    |            | 17/10/1956 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.75 | 12/2000 |   | 2.88 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 25 | Hoàng Tiến     | Nhật   | 20/01/1959 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.75 | 12/2000 |   | 2.88 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 26 | Dương Thị      | Oanh   |            | 06/02/1955 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.88 | 10/2000 |   | 3.01 | 0.13 | 3  | 81,900  |    |
| 27 | Nguyễn Thị Kim | Oanh   |            | 20/12/1958 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.88 | 12/2000 |   | 3.01 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 28 | Vũ Văn         | Phê    | 01/05/1952 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.88 | 10/2000 |   | 3.01 | 0.13 | 3  | 81,900  |    |
| 29 | Trần Thị       | Tạ     |            | 06/06/1953 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.88 | 09/2000 |   | 3.01 | 0.13 | 4  | 109,200 |    |
| 30 | Nguyễn Văn     | Thách  | 06/02/1957 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.88 | 09/2000 |   | 3.01 | 0.13 | 4  | 109,200 |    |
| 31 | Lê Văn         | Thành  | 09/06/1956 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.88 | 12/2000 |   | 3.01 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 32 | Lê Thị         | Vân    |            | 06/07/1958 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.75 | 12/2000 |   | 2.88 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 33 | Hoàng Thị      | Xế     |            | 15/11/1958 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.88 | 11/2000 |   | 3.01 | 0.13 | 2  | 54,600  |    |
| 34 | Hoàng Văn      | Báu    | 01/05/1956 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 35 | Nguyễn Thị     | Bắc    |            | 12/05/1953 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 09/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 4  | 109,200 |    |
| 36 | Lê Thị         | Chiến  |            | 17/10/1959 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 37 | Đinh Thị       | Chuyên |            | 19/03/1955 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 38 | Hoàng Văn      | Dinh   | 15/04/1954 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.75 | 12/2000 |   | 2.88 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 39 | Đặng Văn       | Đính   | 27/08/1960 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 12/2000 |   | 2.62 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 40 | Nguyễn Thị     | Hà     |            | 14/08/1957 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.75 | 12/2000 |   | 2.88 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 41 | Nguyễn Văn     | Hiên   | 01/01/1957 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.75 | 12/2000 |   | 2.88 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 42 | Vũ Đình        | Hiên   | 10/05/1959 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 43 | Nguyễn Thị     | Liên   |            | 20/06/1959 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 44 | Cam Thị        | Lượng  |            | 12/11/1959 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 45 | Nguyễn Thị     | My     |            | 06/02/1960 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 46 | Nguyễn Thị     | Nhiên  |            | 03/12/1955 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.75 | 12/2000 |   | 2.88 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 47 | Lê Văn         | Nhuông | 01/11/1958 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 48 | Lê Văn         | Ninh   | 11/12/1959 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.75 | 09/2000 |   | 2.88 | 0.13 | 4  | 109,200 |    |
| 49 | Nguyễn Ngọc    | Sơn    | 10/04/1957 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.75 | 09/2000 |   | 2.88 | 0.13 | 4  | 109,200 |    |
| 50 | Hoàng Thị Minh | Tâm    |            | 14/03/1961 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 51 | Nguyễn Thị     | Thủy   |            | 24/03/1960 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.75 | 12/2000 |   | 2.88 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 52 | Nguyễn Thị     | Thủy B |            | 22/02/1960 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 53 | Nguyễn Quốc    | Trọng  | 07/12/1956 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |

| A  | B              |        | 1          | 2          | 3        | 4      | 5    | 6       | 7 | 8    | 9    | 10 | 11      | 12 |
|----|----------------|--------|------------|------------|----------|--------|------|---------|---|------|------|----|---------|----|
| 54 | Hoàng Thị      | Tuyết  |            | 05/02/1958 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 55 | Nguyễn Thị     | Tức    |            | 16/02/1959 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.75 | 12/2000 |   | 2.88 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 56 | Đào Thị        | Tươi   |            | 03/02/1954 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.75 | 12/2000 |   | 2.88 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 57 | Lương Thị      | Vui    |            | 05/10/1957 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.75 | 12/2000 |   | 2.88 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 58 | Nguyễn Ngọc    | ánh    | 27/10/1962 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 59 | Đào Văn        | Dũng   | 20/10/1964 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 12/2000 |   | 2.62 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 60 | Phan Văn       | Điệp   | 18/01/1963 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 12/2000 |   | 2.62 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 61 | Lưu Thị        | Hải    |            | 08/10/1958 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 62 | Nguyễn Thanh   | Hải    | 10/01/1963 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 63 | Hoàng Ngọc     | Hiếu   | 20/10/1959 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 64 | Nguyễn Quốc    | Hoàng  | 06/10/1961 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 12/2000 |   | 2.62 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 65 | Hoàng Phi      | Hùng   | 30/01/1964 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 09/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 4  | 109,200 |    |
| 66 | Đỗ Thị         | Hương  |            | 14/09/1961 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 12/2000 |   | 2.62 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 67 | Nguyễn Văn     | Khoát  | 06/05/1963 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 12/2000 |   | 2.62 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 68 | Đào Thị        | Kim    |            | 02/01/1961 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 12/2000 |   | 2.62 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 69 | Nguyễn Đức     | Lâu    | 18/02/1962 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 12/2000 |   | 2.62 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 70 | Nguyễn Xuân    | Minh   | 13/02/1962 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 12/2000 |   | 2.62 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 71 | Nguyễn Thị     | Ngọt   |            | 24/05/1961 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 12/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 72 | Dương Văn      | Nhíp   | 15/10/1951 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 09/2000 |   | 2.62 | 0.13 | 4  | 109,200 |    |
| 73 | Nguyễn Đức     | Quang  | 16/07/1963 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 12/2000 |   | 2.62 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 74 | Dương Văn      | Sáng   | 09/09/1964 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 12/2000 |   | 2.62 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 75 | Nguyễn Văn     | Thiện  | 14/09/1964 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 12/2000 |   | 2.62 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 76 | Lê Văn         | Tĩnh   | 03/10/1958 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 09/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 4  | 109,200 |    |
| 77 | Nguyễn Đình    | Văn    | 28/09/1958 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.49 | 12/2000 |   | 2.62 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 78 | Ngô Quốc       | Vương  | 02/09/1959 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.62 | 09/2000 |   | 2.75 | 0.13 | 4  | 109,200 |    |
| 79 | Vũ Thị         | Hiên   |            | 12/10/1957 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.36 | 10/2000 |   | 2.49 | 0.13 | 3  | 81,900  |    |
| 80 | Nguyễn T.Tuyết | Dung   |            | 25/06/1964 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.24 | 12/2000 |   | 2.36 | 0.12 | 1  | 25,200  |    |
| 81 | Bùi Thị        | Hương  |            | 10/06/1964 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.24 | 12/2000 |   | 2.36 | 0.12 | 1  | 25,200  |    |
| 82 | Lê Thị Kim     | Phương |            | 14/04/1966 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.24 | 12/2000 |   | 2.36 | 0.12 | 1  | 25,200  |    |
| 83 | Nông Thị Mai   | Phương |            | 13/10/1962 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.24 | 12/2000 |   | 2.36 | 0.12 | 1  | 25,200  |    |
| 84 | Lê Văn         | Sơn    | 28/07/1963 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 2.24 | 12/2000 |   | 2.36 | 0.12 | 1  | 25,200  |    |
| 85 | Hoàng Thị      | Thịnh  |            | 09/11/1958 | CN-SơCấp | 01.007 | 2.24 | 12/2000 |   | 2.36 | 0.12 | 1  | 25,200  |    |
| 86 | Đặng Bá        | Chính  | 03/12/1966 |            | CN-SơCấp | 01.007 | 1.88 | 09/2000 |   | 2.00 | 0.12 | 4  | 100,800 |    |



| A   | B               |       | 1          | 2          | 3         | 4      | 5    | 6       | 7      | 8    | 9    | 10 | 11      | 12 |
|-----|-----------------|-------|------------|------------|-----------|--------|------|---------|--------|------|------|----|---------|----|
| 87  | Nguyễn Thị      | Tròn  |            | 10/03/1948 | CN-SơCấp  | 01.007 | 2.75 | 10/2000 |        | 2.88 | 0.13 | 3  | 81,900  |    |
| 88  | Trần Thị        | Chi   |            | 27/06/1958 | CN-SơCấp  | 01.007 | 2.49 | 09/2000 |        | 2.62 | 0.13 | 4  | 109,200 |    |
| 89  | Nguyễn Thị      | Xuân  |            | 19/05/1949 | CN-SơCấp  | 01.008 | 2.48 | 12/2000 |        | 2.58 | 0.10 | 1  | 21,000  |    |
| 90  | Tống Phương     | Anh   |            | 25/10/1971 | Trung cấp | 01.008 | 1.49 | 12/2000 |        | 1.58 | 0.09 | 1  | 18,900  |    |
| 91  | Ngô Văn         | Tuấn  | 12/06/1957 |            | CN-SơCấp  | 01.010 | 3.02 | 11/2000 |        | 3.13 | 0.11 | 2  | 46,200  |    |
| 92  | Ngô Quang       | Lịch  | 26/10/1953 |            | CN-SơCấp  | 01.011 | 2.52 | 12/2000 |        | 2.61 | 0.09 | 1  | 18,900  |    |
| 93  | Lê Văn          | Bích  | 28/09/1961 |            | KhôngBCấp | 01.011 | 2.34 | 12/2000 |        | 2.43 | 0.09 | 1  | 18,900  |    |
| 94  | Nguyễn Đình     | Sâm   | 15/01/1946 |            | KhôngBCấp | 01.011 | 2.43 | 09/2000 |        | 2.52 | 0.09 | 4  | 75,600  |    |
| 95  | Bùi Văn         | Sáng  | 02/06/1960 |            | CN-SơCấp  | 01.011 | 2.34 | 12/2000 |        | 2.43 | 0.09 | 1  | 18,900  |    |
| 96  | Nguyễn Văn      | Thiệp | 17/07/1953 |            | KhôngBCấp | 01.011 | 2.34 | 12/2000 |        | 2.43 | 0.09 | 1  | 18,900  |    |
| 97  | Nguyễn Văn      | Mui   | 02/08/1961 |            | KhôngBCấp | 01.011 | 2.16 | 12/2000 |        | 2.25 | 0.09 | 1  | 18,900  |    |
| 98  | Nguyễn Văn      | Năm   | 11/03/1962 |            | KhôngBCấp | 01.011 | 2.16 | 12/2000 |        | 2.25 | 0.09 | 1  | 18,900  |    |
| 99  | Nguyễn Bá       | Chung | 21/03/1966 |            | KhôngBCấp | 01.011 | 1.98 | 12/2000 |        | 2.07 | 0.09 | 1  | 18,900  |    |
| 100 | Bùi Nho         | Doãn  | 25/09/1964 |            | KhôngBCấp | 01.011 | 1.98 | 12/2000 |        | 2.07 | 0.09 | 1  | 18,900  |    |
| 101 | Nhữ Ngọc        | Hùng  | 28/10/1966 |            | KhôngBCấp | 01.011 | 1.98 | 12/2000 |        | 2.07 | 0.09 | 1  | 18,900  |    |
| 102 | Nguyễn Đỗ       | Thảo  | 28/11/1963 |            | KhôngBCấp | 01.011 | 2.07 | 11/2000 |        | 2.16 | 0.09 | 2  | 37,800  |    |
| 103 | Phạm Văn        | Tuyến | 11/01/1965 |            | KhôngBCấp | 01.011 | 1.98 | 12/2000 |        | 2.07 | 0.09 | 1  | 18,900  |    |
| 104 | Đoàn Tử         | Duẩn  | 18/07/1967 |            | Đại học   | 01.011 | 1.62 | 05/2000 |        | 1.71 | 0.09 | 8  | 151,200 |    |
| 105 | Thân Thị Tuyết  | Chinh |            | 20/04/1949 | Trung cấp | 02.015 | 3.20 | 11/2000 |        | 3.33 | 0.13 | 2  | 54,600  |    |
| 106 | Phạm Thị        | Hiền  |            | 08/02/1961 | Đại học   | 06.031 | 2.74 | 09/1999 |        | 2.98 | 0.24 | 4  | 201,600 |    |
| 107 | Nguyễn ThịTuyết | Sơn   |            | 11/11/1959 | Đại học   | 06.031 | 2.50 | 12/1999 |        | 2.74 | 0.24 | 1  | 50,400  |    |
| 108 | Nguyễn Thị Kim  | Thông |            | 29/02/1952 | Trung cấp | 06.032 | 2.55 | 12/2000 |        | 2.68 | 0.13 | 1  | 27,300  |    |
| 109 | Vũ Thị Kim      | Thanh |            | 10/08/1960 | CN-SơCấp  | 06.033 | 2.30 | 12/2000 |        | 2.39 | 0.09 | 1  | 18,900  |    |
| 110 | Trần Như        | Định  | 03/07/1943 |            | Đại học   | 13.095 | 3.73 | 12/1999 |        | 3.98 | 0.25 | 1  | 52,500  |    |
| 111 | Nguyễn Xuân     | Sáng  | 03/02/1950 |            | Đại học   | 13.095 | 3.23 | 09/1999 |        | 3.48 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 112 | Đào Thị         | Yên   |            | 12/01/1949 | Đại học   | 13.095 | 3.23 | 12/1999 |        | 3.48 | 0.25 | 1  | 52,500  |    |
| 113 | Tăng Thị        | Năm   |            | 20/06/1949 | Đại học   | 13.095 | 2.98 | 09/1999 |        | 3.23 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 114 | Lê Thị Hồng     | Xuân  |            | 20/01/1957 | Thạc sỹ   | 13.095 | 2.74 | 09/1999 |        | 2.98 | 0.24 | 4  | 201,600 |    |
| 115 | Vũ Thị          | Đào   |            | 15/02/1971 | Thạc sỹ   | 13.095 | 2.02 | 05/1999 |        | 2.26 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 116 | Hoàng Hải       | Hà    | 23/12/1972 |            | Đại học   | 13.095 | 2.02 | 05/1999 |        | 2.26 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 117 | Nguyễn Đình     | Thị   | 14/02/1965 |            | Thạc sỹ   | 13.095 | 2.02 | 05/1999 |        | 2.26 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 118 | Võ Văn          | Nam   | 22/02/1972 |            | Đại học   | 13.095 | 1.78 | 05/1999 |        | 2.02 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 119 | Võ Thị Ngọc     | Bích  |            | 02/03/1962 | Đại học   | 01.007 | 2.24 | 12/2000 | 13.095 | 2.50 | 0.26 | 1  | 54,600  |    |

| A   | B             |        | 1          | 2          | 3          | 4      | 5    | 6       | 7      | 8    | 9    | 10 | 11      | 12                              |
|-----|---------------|--------|------------|------------|------------|--------|------|---------|--------|------|------|----|---------|---------------------------------|
| 120 | Nguyễn Thị    | Nhuân  |            | 04/03/1960 | Đại học    | 01.004 | 2.06 | 12/2000 | 13.095 | 2.26 | 0.20 | 1  | 42,000  |                                 |
| 121 | Nguyễn Văn    | Hải    | 20/11/1962 |            | Đại học    | 13.095 | 1.78 | 05/1999 |        | 2.02 | 0.24 | 8  | 403,200 |                                 |
| 122 | Trần Thị Tú   | Oanh   |            | 02/12/1973 | Thạc sỹ    | 13.095 | 2.02 | 04/1998 |        | 2.26 | 0.24 | 12 | 604,800 | Mốc lên lương lần sau từ 4/2001 |
| 123 | Trần Văn      | Bình   | 15/07/1945 |            | Trung cấp  | 13.096 | 2.81 | 12/2000 |        | 2.94 | 0.13 | 1  | 27,300  |                                 |
| 124 | Phan Thị Bích | Thục   |            | 19/05/1949 | Trung cấp  | 13.096 | 2.81 | 12/2000 |        | 2.94 | 0.13 | 1  | 27,300  |                                 |
| 125 | Trần Thị Lê   | Thủy   |            | 08/10/1961 | Đại học    | 13.096 | 2.06 | 12/2000 |        | 2.18 | 0.12 | 1  | 25,200  |                                 |
| 126 | Trần Hồng     | Nhật   | 23/11/1966 |            | Trung cấp  | 13.096 | 1.94 | 07/2000 |        | 2.06 | 0.12 | 6  | 151,200 |                                 |
| 127 | Ngô Thị       | Nguyệt |            | 10/10/1965 | Đại học    | 13.096 | 1.70 | 08/2000 |        | 1.82 | 0.12 | 5  | 126,000 |                                 |
| 128 | Nguyễn Thị    | Thủy   |            | 05/09/1966 | Đại học    | 13.096 | 1.82 | 05/2000 |        | 1.94 | 0.12 | 8  | 201,600 |                                 |
| 129 | Nguyễn Hữu    | Tế     | 01/04/1941 |            | Tiến sỹ KH | 15.109 | 5.54 | 12/1999 |        | 5.85 | 0.31 | 1  | 65,100  |                                 |
| 130 | Hoàng Minh    | Tấn    | 05/05/1941 |            | Tiến sỹ    | 15.109 | 5.23 | 10/1999 |        | 5.54 | 0.31 | 3  | 195,300 |                                 |
| 131 | Nguyễn Nguyên | Cự     | 15/05/1942 |            | Tiến sỹ    | 15.110 | 5.03 | 11/1999 |        | 5.31 | 0.28 | 2  | 117,600 |                                 |
| 132 | Hoàng         | Hà     | 06/02/1943 |            | Tiến sỹ    | 15.110 | 5.03 | 10/1999 |        | 5.31 | 0.28 | 3  | 176,400 |                                 |
| 133 | Hoàng Đình    | Hiếu   | 12/12/1942 |            | Tiến sỹ    | 15.110 | 5.03 | 11/1999 |        | 5.31 | 0.28 | 2  | 117,600 |                                 |
| 134 | Nguyễn Hải    | Quân   | 29/05/1942 |            | Tiến sỹ    | 15.110 | 5.03 | 10/1999 |        | 5.31 | 0.28 | 3  | 176,400 |                                 |
| 135 | Đỗ Văn        | Công   | 10/07/1947 |            | Đại học    | 15.110 | 4.19 | 04/1999 |        | 4.47 | 0.28 | 9  | 529,200 |                                 |
| 136 | Đặng Hữu      | Hiển   | 13/06/1943 |            | Đại học    | 15.110 | 4.47 | 11/1999 |        | 4.75 | 0.28 | 2  | 117,600 |                                 |
| 137 | Nguyễn Đức    | Khiêm  | 10/10/1942 |            | Tiến sỹ    | 15.110 | 4.75 | 12/1999 |        | 5.03 | 0.28 | 1  | 58,800  |                                 |
| 138 | Nguyễn Đình   | Mạnh   | 08/03/1943 |            | Tiến sỹ    | 15.110 | 4.75 | 12/1999 |        | 5.03 | 0.28 | 1  | 58,800  |                                 |
| 139 | Nguyễn Văn    | Muốn   | 18/08/1952 |            | Tiến sỹ    | 15.110 | 4.19 | 04/1999 |        | 4.47 | 0.28 | 9  | 529,200 |                                 |
| 140 | Đào Châu      | Thu    |            | 26/09/1946 | Tiến sỹ    | 15.110 | 4.47 | 12/1999 |        | 4.75 | 0.28 | 1  | 58,800  |                                 |
| 141 | Nguyễn Kim    | Vân    | 25/11/1945 |            | Tiến sỹ    | 15.110 | 4.47 | 10/1999 |        | 4.75 | 0.28 | 3  | 176,400 |                                 |
| 142 | Lê Diệp       | Đĩnh   | 14/03/1949 |            | Thạc sỹ    | 15.110 | 4.19 | 12/1999 |        | 4.47 | 0.28 | 1  | 58,800  |                                 |
| 143 | Bùi Hữu       | Đoàn   | 20/10/1954 |            | Tiến sỹ    | 15.110 | 4.19 | 12/1999 |        | 4.47 | 0.28 | 1  | 58,800  |                                 |
| 144 | Đàm Xuân      | Hoàn   | 09/05/1947 |            | Tiến sỹ    | 15.110 | 4.19 | 12/1999 |        | 4.47 | 0.28 | 1  | 58,800  |                                 |
| 145 | Đặng Văn      | Hồng   | 08/04/1949 |            | Đại học    | 15.110 | 4.19 | 12/1999 |        | 4.47 | 0.28 | 1  | 58,800  |                                 |
| 146 | Vũ Văn        | Liết   | 20/10/1954 |            | Tiến sỹ    | 15.110 | 3.91 | 04/1999 |        | 4.19 | 0.28 | 9  | 529,200 |                                 |
| 147 | Lê Thị Tuyết  | Minh   |            | 20/03/1949 | Thạc sỹ    | 15.110 | 4.19 | 11/1999 |        | 4.47 | 0.28 | 2  | 117,600 |                                 |
| 148 | Hoàng Văn     | Mùa    | 20/03/1948 |            | Thạc sỹ    | 15.110 | 4.19 | 12/1999 |        | 4.47 | 0.28 | 1  | 58,800  |                                 |
| 149 | Vĩ Văn        | Năng   | 25/09/1952 |            | Thạc sỹ    | 15.110 | 4.19 | 12/1999 |        | 4.47 | 0.28 | 1  | 58,800  |                                 |
| 150 | Nguyễn Hữu    | Ngoan  | 04/05/1952 |            | Tiến sỹ    | 15.110 | 4.19 | 12/1999 |        | 4.47 | 0.28 | 1  | 58,800  |                                 |
| 151 | Hà Thị Thanh  | Bình   |            | 10/10/1954 | Tiến sỹ    | 15.110 | 3.35 | 06/1999 |        | 3.63 | 0.28 | 7  | 411,600 |                                 |

| A     | B            |        | 1          | 2          | 3       | 4      | 5    | 6       | 7 | 8    | 9    | 10 | 11      | 12 |
|-------|--------------|--------|------------|------------|---------|--------|------|---------|---|------|------|----|---------|----|
| 152   | Võ Văn       | Cầu    | 26/11/1952 |            | Thạc sỹ | 15.110 | 3.63 | 09/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 4  | 235,200 |    |
| 153   | Nguyễn Thị   | Chắc R |            | 07/11/1953 | Thạc sỹ | 15.110 | 3.63 | 12/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 1  | 58,800  |    |
| 154   | Trần Văn     | Chính  | 11/12/1950 |            | Tiến sỹ | 15.110 | 3.63 | 12/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 1  | 58,800  |    |
| 155   | Lai Thị      | Cúc    |            | 02/07/1954 | Thạc sỹ | 15.110 | 3.63 | 11/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 2  | 117,600 |    |
| 156   | Trần Đình    | Đông   | 24/08/1955 |            | Tiến sỹ | 15.110 | 3.63 | 12/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 1  | 58,800  |    |
| R 157 | Quyển Đình   | Hà     | 21/09/1953 |            | Tiến sỹ | 15.110 | 3.63 | 12/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 1  | 58,800  |    |
| 158   | Đỗ Thị       | Hòa R  |            | 06/01/1951 | Thạc sỹ | 15.110 | 3.63 | 09/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 4  | 235,200 |    |
| 159   | Lê Thị       | Hợp R  |            | 03/09/1950 | Thạc sỹ | 15.110 | 3.63 | 09/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 4  | 235,200 |    |
| 160   | Phạm Quang   | Hùng   | 14/02/1947 |            | Thạc sỹ | 15.110 | 3.63 | 09/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 4  | 235,200 |    |
| 161   | Trần Quang   | Khánh  | 07/03/1952 |            | Tiến sỹ | 15.110 | 3.63 | 12/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 1  | 58,800  |    |
| 162   | Lê Văn       | Lãnh   | 10/08/1951 |            | Đại học | 15.110 | 3.63 | 09/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 4  | 235,200 |    |
| 163   | Đoàn Văn     | Lư     | 20/06/1954 |            | Tiến sỹ | 15.110 | 3.63 | 12/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 1  | 58,800  |    |
| 164   | Nguyễn Thị   | Mai    |            | 27/07/1953 | Tiến sỹ | 15.110 | 3.63 | 11/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 2  | 117,600 |    |
| 165   | Nguyễn Thị   | Nhân   |            | 17/01/1953 | Thạc sỹ | 15.110 | 3.63 | 11/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 2  | 117,600 |    |
| 166   | Đinh Thị     | Nông   |            | 10/03/1950 | Thạc sỹ | 15.110 | 3.63 | 12/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 1  | 58,800  |    |
| 167   | Phan Liên    | Phượng |            | 15/06/1949 | Thạc sỹ | 15.110 | 3.63 | 12/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 1  | 58,800  |    |
| 168   | Trần Văn     | Quyên  | 05/07/1951 |            | Thạc sỹ | 15.110 | 3.63 | 11/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 2  | 117,600 |    |
| 169   | Tôn Thất     | Sơn    | 20/12/1950 |            | Tiến sỹ | 15.110 | 3.63 | 11/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 2  | 117,600 |    |
| 170   | Đỗ Thị       | Tám    |            | 06/02/1949 | Thạc sỹ | 15.110 | 3.63 | 09/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 4  | 235,200 |    |
| 171   | Mai Thị      | Tân    |            | 01/01/1952 | Đại học | 15.110 | 3.63 | 11/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 2  | 117,600 |    |
| 172   | Nguyễn Hải   | Thanh  | 27/05/1956 |            | Tiến sỹ | 15.110 | 3.63 | 09/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 4  | 235,200 |    |
| 173   | Phan Văn     | Thắng  | 01/01/1952 |            | Thạc sỹ | 15.110 | 3.63 | 12/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 1  | 58,800  |    |
| 174   | Nguyễn Thanh | Thế    | 10/04/1951 |            | Thạc sỹ | 15.110 | 3.63 | 09/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 4  | 235,200 |    |
| 175   | Trần Danh    | Thìn   | 29/04/1952 |            | Thạc sỹ | 15.110 | 3.63 | 11/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 2  | 117,600 |    |
| 176   | Nguyễn Thị   | Vang   |            | 23/08/1954 | Thạc sỹ | 15.110 | 3.63 | 11/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 2  | 117,600 |    |
| 177   | Đỗ Văn       | Viên   | 20/08/1953 |            | Tiến sỹ | 15.110 | 3.35 | 11/1999 |   | 3.63 | 0.28 | 2  | 117,600 |    |
| 178   | Nguyễn Bách  | Việt   | 19/08/1950 |            | Thạc sỹ | 15.110 | 3.63 | 12/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 1  | 58,800  |    |
| 179   | Bùi Thế      | Vĩnh   | 14/01/1951 |            | Tiến sỹ | 15.110 | 3.63 | 09/1999 |   | 3.91 | 0.28 | 4  | 235,200 |    |
| 180   | Đặng Thị     | Dung   |            | 02/11/1952 | Tiến sỹ | 15.110 | 3.35 | 12/1999 |   | 3.63 | 0.28 | 1  | 58,800  |    |
| R 181 | Bùi Thị      | Tho    |            | 13/02/1954 | Tiến sỹ | 15.110 | 3.35 | 12/1999 |   | 3.63 | 0.28 | 1  | 58,800  |    |
| 182   | Mai Thị      | Thơm   |            | 17/03/1955 | Tiến sỹ | 15.110 | 3.35 | 11/1999 |   | 3.63 | 0.28 | 2  | 117,600 |    |
| 183   | Ngô Thị      | Thuận  |            | 20/11/1955 | Tiến sỹ | 15.110 | 3.35 | 12/1999 |   | 3.63 | 0.28 | 1  | 58,800  |    |
| 184   | Đỗ Đăng      | Bảy    | 10/01/1950 |            | Đại học | 15.111 | 3.62 | 09/1999 |   | 3.87 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |



| A   | B                |        | 1          | 2          | 3       | 4      | 5    | 6       | 7 | 8    | 9    | 10 | 11      | 12 |
|-----|------------------|--------|------------|------------|---------|--------|------|---------|---|------|------|----|---------|----|
| 185 | Trần Thị         | Hiển   |            | 28/11/1953 | Thạc sỹ | 15.111 | 3.37 | 10/1999 |   | 3.62 | 0.25 | 3  | 157,500 |    |
| 186 | Đỗ Thành         | Xương  | 09/02/1951 |            | Đại học | 15.111 | 3.62 | 11/1999 |   | 3.87 | 0.25 | 2  | 105,000 |    |
| 187 | Bùi Xuân         | Sửu    | 08/09/1955 |            | Đại học | 15.111 | 3.62 | 11/1999 |   | 3.87 | 0.25 | 2  | 105,000 |    |
| 188 | Phạm Thị         | Thành  |            | 14/08/1948 | Đại học | 15.111 | 3.37 | 09/1999 |   | 3.62 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 189 | Bùi Hữu          | Toàn   | 05/09/1946 |            | Đại học | 15.111 | 3.62 | 12/1999 |   | 3.87 | 0.25 | 1  | 52,500  |    |
| 190 | Lê Năng          | Văn    | 05/12/1951 |            | Đại học | 15.111 | 3.62 | 09/1999 |   | 3.87 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 191 | Lê Văn           | Bích   | 11/09/1958 |            | Tiến sỹ | 15.111 | 3.12 | 12/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 1  | 52,500  |    |
| 192 | Vũ Thị Minh      | Châu   |            | 19/06/1959 | Đại học | 15.111 | 3.12 | 12/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 1  | 52,500  |    |
| 193 | Nguyễn Thị       | Chắc   |            | 04/04/1955 | Thạc sỹ | 15.111 | 3.12 | 09/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 194 | Đỗ Thị Quỳnh     | Chi    |            | 18/08/1960 | Đại học | 15.111 | 3.12 | 09/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 195 | Lê Bá            | Chức   | 24/04/1952 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 3.12 | 10/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 3  | 157,500 |    |
| 196 | Kim Thị          | Dung   |            | 05/02/1958 | Tiến sỹ | 15.111 | 3.12 | 09/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 197 | Hàn Trung        | Dũng   | 21/04/1958 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 3.12 | 09/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 198 | Lê Thị Bích      | Đào    |            | 15/02/1955 | Thạc sỹ | 15.111 | 3.12 | 09/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 199 | Bùi Thị          | Đoan   |            | 05/06/1956 | Đại học | 15.111 | 3.12 | 11/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 2  | 105,000 |    |
| 200 | Nguyễn Văn       | Đường  | 15/01/1957 |            | Đại học | 15.111 | 3.12 | 09/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 201 | Nguyễn Thị Thanh | Hà     |            | 23/04/1957 | Thạc sỹ | 15.111 | 3.12 | 09/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 202 | Phạm Thị         | Hằng   |            | 20/07/1956 | Đại học | 15.111 | 3.12 | 09/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 203 | Đặng Thị Việt    | Hoa    |            | 19/05/1954 | Đại học | 15.111 | 3.12 | 12/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 1  | 52,500  |    |
| 204 | Võ Quí           | Hoan   | 22/11/1958 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 3.12 | 10/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 3  | 157,500 |    |
| 205 | Hoàng Văn        | Hưng   | 23/10/1958 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 3.12 | 11/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 2  | 105,000 |    |
| 206 | Nguyễn Văn       | Mác    | 02/07/1957 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 3.12 | 11/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 2  | 105,000 |    |
| 207 | Cao Thị Ngọc     | Mậu    |            | 01/04/1958 | Đại học | 15.111 | 3.12 | 11/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 2  | 105,000 |    |
| 208 | Nguyễn Bá        | Mùi    | 16/08/1956 |            | Tiến sỹ | 15.111 | 3.12 | 09/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 209 | Phạm Hồng        | Ngân   | 18/12/1958 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 3.12 | 11/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 2  | 105,000 |    |
| 210 | Trần Thị         | Ngọc   |            | 01/10/1957 | Thạc sỹ | 15.111 | 3.12 | 09/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 211 | Phạm Thị Minh    | Nguyệt |            | 05/01/1955 | Tiến sỹ | 15.111 | 3.12 | 09/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 212 | Đoàn Công        | Quỳ    | 01/05/1955 |            | Tiến sỹ | 15.111 | 3.12 | 09/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 213 | Nguyễn Thị Hoài  | Sơn    |            | 30/12/1956 | Thạc sỹ | 15.111 | 3.12 | 09/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 214 | Phạm Ngọc        | Thạch  | 02/09/1956 |            | Tiến sỹ | 15.111 | 3.12 | 11/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 2  | 105,000 |    |
| 215 | Nguyễn Văn       | Thắng  | 25/04/1957 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 3.12 | 12/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 1  | 52,500  |    |
| 216 | Nguyễn Khắc      | Thời   | 24/10/1954 |            | Tiến sỹ | 15.111 | 3.12 | 09/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 217 | Vũ Thị           | Thu    |            | 17/10/1957 | Thạc sỹ | 15.111 | 3.12 | 11/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 2  | 105,000 |    |



| A   | B                 |        | 1          | 2          | 3       | 4      | 5    | 6       | 7 | 8    | 9    | 10 | 11      | 12 |
|-----|-------------------|--------|------------|------------|---------|--------|------|---------|---|------|------|----|---------|----|
| 218 | Hoàng Đình        | Tùng   | 04/09/1957 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 3.12 | 12/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 1  | 52,500  |    |
| 219 | Ngô Thị           | Tuyến  |            | 05/08/1956 | Thạc sỹ | 15.111 | 3.12 | 09/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 220 | Nguyễn Đình       | Vinh   | 30/08/1955 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 3.12 | 09/1999 |   | 3.37 | 0.25 | 4  | 210,000 |    |
| 221 | Bùi Thị           | Phúc   |            | 20/07/1962 | Thạc sỹ | 15.111 | 2.88 | 09/1999 |   | 3.12 | 0.24 | 4  | 201,600 |    |
| 222 | Nguyễn Văn        | Song   | 23/06/1958 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 2.88 | 09/1999 |   | 3.12 | 0.24 | 4  | 201,600 |    |
| 223 | Nguyễn Tuấn       | Sơn    | 11/04/1960 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 2.88 | 09/1999 |   | 3.12 | 0.24 | 4  | 201,600 |    |
| 224 | Bùi Nguyên        | Viễn   | 25/08/1958 |            | Đại học | 15.111 | 2.88 | 09/1999 |   | 3.12 | 0.24 | 4  | 201,600 |    |
| 225 | Phạm Văn          | Hùng   | 17/06/1963 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 2.64 | 11/1999 |   | 2.88 | 0.24 | 2  | 100,800 |    |
| 226 | Nguyễn Thị        | Tú     |            | 25/12/1960 | Thạc sỹ | 15.111 | 2.64 | 12/1999 |   | 2.88 | 0.24 | 1  | 50,400  |    |
| 227 | Hà Viết           | Cường  | 03/03/1970 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 2.16 | 05/1999 |   | 2.40 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 228 | Bùi Trần Anh      | Đào    | 16/11/1970 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 2.16 | 05/1999 |   | 2.40 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 229 | Bùi Việt          | Đức    | 08/06/1967 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 2.40 | 10/1999 |   | 2.64 | 0.24 | 3  | 151,200 |    |
| 230 | Trần Thị Minh     | Hằng   |            | 18/11/1971 | Thạc sỹ | 15.111 | 2.16 | 05/1999 |   | 2.40 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 231 | Nguyễn Thanh      | Lâm    | 02/03/1968 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 2.16 | 05/1999 |   | 2.40 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 232 | Nguyễn Thị Hoàng  | Lan    |            | 29/01/1972 | Đại học | 15.111 | 2.16 | 05/1999 |   | 2.40 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 233 | Trần Lê           | Thanh  | 05/11/1968 |            | Đại học | 15.111 | 2.16 | 02/1999 |   | 2.40 | 0.24 | 11 | 554,400 |    |
| 234 | Nguyễn Thị        | Thọ    |            | 18/02/1969 | Đại học | 15.111 | 2.16 | 08/1999 |   | 2.40 | 0.24 | 5  | 252,000 |    |
| 235 | Nguyễn Bá         | Tiếp   | 26/11/1970 |            | Đại học | 15.111 | 2.16 | 08/1999 |   | 2.40 | 0.24 | 5  | 252,000 |    |
| 236 | Nguyễn Văn        | Đạt    | 26/12/1959 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 2.64 | 09/1999 |   | 2.88 | 0.24 | 4  | 201,600 |    |
| 237 | Nguyễn Thị        | Diễn   |            | 15/06/1973 | Thạc sỹ | 15.111 | 2.16 | 10/1999 |   | 2.40 | 0.24 | 3  | 151,200 |    |
| 238 | Nguyễn Thị        | Nguyệt |            | 03/06/1967 | Thạc sỹ | 15.111 | 2.16 | 05/1999 |   | 2.40 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 239 | Chu Thị Kim       | Loan   |            | 27/09/1968 | Thạc sỹ | 15.111 | 2.16 | 08/1999 |   | 2.40 | 0.24 | 5  | 252,000 |    |
| 240 | Nguyễn Quốc       | Oánh   | 07/06/1968 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 2.16 | 08/1999 |   | 2.40 | 0.24 | 5  | 252,000 |    |
| 241 | Nguyễn Phương     | Lê     |            | 14/04/1973 | Đại học | 15.111 | 2.16 | 08/1999 |   | 2.40 | 0.24 | 5  | 252,000 |    |
| 242 | Nguyễn Xuân       | Trường | 22/11/1973 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 243 | Phạm Kim          | Đăng   | 22/12/1972 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 244 | Nguyễn Thị        | Lan    |            | 10/05/1974 | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 245 | Lê Minh           | Nguyệt |            | 23/07/1975 | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 246 | Nguyễn Thị Phương | Thảo   |            | 08/11/1974 | Tiến sỹ | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 247 | Phạm Thị Minh     | Phượng |            | 14/06/1974 | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 248 | Ninh Thị          | Phíp   |            | 19/05/1971 | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 249 | Đinh Sơn          | Quang  | 27/12/1974 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 250 | Giang Trung       | Khoa   | 05/01/1973 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |

| A   | B                |        | 1          | 2          | 3       | 4      | 5    | 6       | 7 | 8    | 9    | 10 | 11      | 12 |
|-----|------------------|--------|------------|------------|---------|--------|------|---------|---|------|------|----|---------|----|
| 251 | Nguyễn Xuân      | Bang   | 06/10/1973 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 252 | Nguyễn Đình      | Công   | 22/08/1974 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 253 | Lê Thị           | Giang  |            | 19/01/1973 | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 254 | Phạm Văn         | Vân    | 20/03/1972 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 255 | Trần Trọng       | Phượng | 13/11/1973 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 256 | Đỗ Văn           | Nhà    | 20/05/1973 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 257 | Đỗ Thị           | Tám    |            | 17/04/1974 | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 258 | Lê Khắc          | Bộ     | 05/06/1972 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 259 | Đỗ Thị           | Năng   |            | 13/12/1974 | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 260 | Lê Thị Minh      | Châu   |            | 20/02/1974 | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 261 | Đỗ Quang         | Giám   | 21/08/1972 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 262 | Nguyễn Xuân      | Cử     | 08/03/1974 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 263 | Hoàng Đức        | Vinh   | 07/01/1973 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 04/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 9  | 453,600 |    |
| 264 | Nguyễn Thị       | Thủy   |            | 15/10/1973 | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 265 | Ngô Tuấn         | Anh    | 17/03/1974 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 266 | Tăng Thị         | Hạnh   |            | 02/07/1975 | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 267 | Nguyễn Thị       | Minh   |            | 13/02/1971 | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 268 | Ngô Trí          | Dương  | 22/09/1974 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 269 | Đỗ Thị           | Huệ    |            | 16/12/1975 | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 270 | Nguyễn Thị Thanh | Minh   |            | 26/03/1974 | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 271 | Nguyễn Thị Kim   | Chung  |            | 09/01/1974 | Đại học | 15.111 | 1.92 | 09/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 4  | 201,600 |    |
| 272 | Trương Thị       | Hoa    |            | 18/09/1974 | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 273 | Đặng Thị         | Vân    |            | 20/10/1975 | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 274 | Nguyễn Văn       | Năng   | 26/05/1974 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 275 | Nguyễn Thanh     | Hải    | 10/02/1974 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 276 | Lê Vũ            | Quân   | 08/11/1973 |            | Thạc sỹ | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 277 | Nguyễn Xuân      | Thiệt  | 12/08/1975 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 278 | Hoàng Xuân       | Anh    | 20/06/1974 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 279 | Đồng Huy         | Giới   | 01/02/1972 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 280 | Trần Nguyễn      | Hà     | 26/09/1975 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 281 | Vũ Thanh         | Hải    | 02/07/1975 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |
| 282 | Huỳnh Thị Mỹ     | Lệ     |            | 06/06/1973 | Thạc sỹ | 15.111 | 1.92 | 09/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 4  | 201,600 |    |
| 283 | Nguyễn Văn       | Thắng  | 02/09/1973 |            | Đại học | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16 | 0.24 | 8  | 403,200 |    |

| A         | B               |       | 1          | 2          | 3         | 4      | 5    | 6       | 7 | 8      | 9     | 10 | 11         | 12 |
|-----------|-----------------|-------|------------|------------|-----------|--------|------|---------|---|--------|-------|----|------------|----|
| 284       | Nguyễn Viết     | Đăng  | 10/09/1975 |            | Thạc sỹ   | 15.111 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16   | 0.24  | 8  | 403,200    |    |
| 285       | NguyễnThị Dương | Nga   |            | 07/04/1976 | Đại học   | 15.111 | 1.92 | 09/1999 |   | 2.16   | 0.24  | 4  | 201,600    |    |
| 286       | Vũ Thu          | Hường |            | 21/07/1948 | Đại học   | 16.118 | 3.87 | 11/1999 |   | 4.12   | 0.25  | 2  | 105,000    |    |
| 287       | Nguyễn Thị Thúy | Vinh  |            | 03/01/1959 | Đại học   | 16.118 | 2.88 | 12/1999 |   | 3.12   | 0.24  | 1  | 50,400     |    |
| 288       | Vũ Văn          | Cường | 30/09/1972 |            | Đại học   | 16.118 | 1.92 | 05/1999 |   | 2.16   | 0.24  | 8  | 403,200    |    |
| 289       | Lê Thị Nhi      | Hà    |            | 10/09/1970 | Trung cấp | 16.121 | 1.81 | 11/2000 |   | 1.93   | 0.12  | 2  | 50,400     |    |
| 290       | Trần Thị        | Huyền |            | 29/06/1974 | Đại học   | 17.170 | 1.78 | 05/1999 |   | 2.02   | 0.24  | 8  | 403,200    |    |
| 291       | Phạm Thị Thanh  | Mai   |            | 14/11/1969 | Đại học   | 17.170 | 2.50 | 11/1999 |   | 2.74   | 0.24  | 2  | 100,800    |    |
| 292       | Lưu Thị         | Vui   |            | 11/07/1948 | Trung cấp | 17.171 | 3.07 | 12/2000 |   | 3.20   | 0.13  | 1  | 27,300     |    |
| Tổng cộng |                 |       |            |            |           |        |      |         |   | 875.99 | 60.37 |    | 49,371,000 |    |

Ngày 18 tháng 11 năm 2002

XÉT DUYỆT CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
KT. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Lê Vũ Hùng

Ngày 25 tháng 10 năm 2002

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I  
(Ký tên, đóng dấu)



PGS.TS. Đặng Thị Bình